

Số: 1691 /NMĐSH1-KTATMT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 07 năm 2025

V/v cung cấp bản báo giá/ dự toán chi phí
về Chương trình bảo hiểm mọi rủi ro trong
quá trình vận hành NMNĐ Sông Hậu 1 giai
đoạn 2026-2027

Kính gửi: Các Doanh nghiệp Bảo hiểm/Các Nhà cung cấp bảo hiểm

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (PVPGB) là đơn vị thay mặt Tập đoàn Công nghiệp - Năng Lượng Quốc Gia Việt Nam (PVN) tổ chức quản lý tài sản, khai thác, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1). Trước tiên, thay mặt PVPGB, NMNĐ Sông Hậu 1 xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị thời gian vừa qua cũng như thời gian tiếp theo.

Hiện nay, PVPGB/NMNĐ Sông Hậu 1 đang chuẩn bị các thủ tục liên quan để lựa chọn Nhà cung cấp bảo hiểm để cung cấp sản phẩm bảo hiểm mọi rủi ro trong quá trình vận hành NMNĐ Sông Hậu 1 giai đoạn 2026-2027. Một số thông tin tổng quan về NMNĐ Sông Hậu 1 và yêu cầu bảo hiểm như *Phụ lục đính kèm*.

Nhằm chuẩn bị đầy đủ các thông tin phục vụ cho công tác hoàn thiện thủ tục lựa chọn Nhà cung cấp bảo hiểm nói trên; đồng thời tìm kiếm, hợp tác với các Đơn vị trong quá trình vận hành NMNĐ Sông Hậu 1, PVPGB/NMNĐ Sông Hậu 1 kính mong các Doanh nghiệp Bảo hiểm/Các Nhà cung cấp bảo hiểm quan tâm đến Chương trình bảo hiểm giai đoạn vận hành NMNĐ Sông Hậu 1 cũng như cung cấp bản báo giá/dự toán chi phí về Chương trình bảo hiểm trên cơ sở các thông tin trong Phụ lục đính kèm Văn bản này.

Mọi thông tin xin gửi về NMNĐ Sông Hậu 1 trước **15 giờ ngày 10/09/2025**.

- Người nhận: Huỳnh Lam Phương - Phòng KTATMT, NMNĐ Sông Hậu 1
- Điện thoại: 0856619880.
- Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP.Cần Thơ
- Email: phuonghl02@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hanhxx@pvpgb.vn; giangth@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

NMNĐ Sông Hậu 1 rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý Đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PVPGB (để b/c);
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Phòng: TM; KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (HLP)

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC 01

THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ NMNĐ SÔNG HẬU 1 VÀ YÊU CẦU BẢO HIỂM MỌI RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH NMNĐ SÔNG HẬU 1 GIAI ĐOẠN 2026-2027

(Đính kèm Công văn số 1691/NMĐSH1-KTATMT ngày 29/07/2025)

Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Sông Hậu 1 được Chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)/ Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 (Ban QLDA) thực hiện đầu tư xây dựng tại ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP.Cần Thơ. NMNĐ Sông Hậu 1 đi vào vận hành thương mại từ ngày 06/5/2022. Để đảm bảo NMNĐ Sông Hậu 1/tài sản của Chủ đầu tư được bảo hiểm an toàn và liên tục, Chủ đầu tư sẽ triển khai thủ tục mua chương trình bảo hiểm mọi rủi ro trong quá trình vận hành thương mại Nhà máy giai đoạn 2026-2027. Một số thông số/thông tin tổng quan của NMNĐ Sông Hậu 1 như dưới đây.

I. Các thông tin cơ bản của Nhà máy

- Vị trí của nhà máy

NMNĐ Sông Hậu 1 nằm trong Trung tâm Điện lực (TTDL) Sông Hậu thuộc ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP.Cần Thơ, phía đông bắc giáp sông Hậu, phía tây nam giáp rạch Giảo Hoàng khoảng 400m, phía tây bắc là NMNĐ Sông Hậu 2. Địa điểm nằm bên bờ sông Hậu thuộc Khu công nghiệp Sông Hậu, cách trung tâm thành phố Cần Thơ khoảng 12km về phía hạ lưu sông Hậu, cách cửa Định An khoảng 66km về phía thượng lưu và cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 180km.

- Cấu hình và thông số kỹ thuật của tổ máy cụ thể như sau:

- ✓ Số tổ máy: 02 tổ
- ✓ Cấu hình một tổ máy: 01 lò hơi + 01 tuabin + 01 máy phát
- ✓ Điện năng sản xuất: 7,8 tỷ kwh/năm
- ✓ Tỷ lệ điện tự dùng: 7.8 %
- ✓ Số giờ vận hành trung bình năm (Tmax): 6.500 h/năm
- ✓ Điện thương phẩm: 7,248 tỷ kWh/năm
- ✓ Nhiên liệu và nguyên liệu:
- ✓ Nhiên liệu chính: Than Bitum-Á Bitum được nhập khẩu từ Indonesia.
- ✓ Nhiên liệu phụ: Dầu DO (0.05S) dùng để khởi động và đốt kèm khi phụ tải lò hơi < 60% phụ tải định mức.
- ✓ Cấp điện áp đấu nối với hệ thống điện: 500 kV.

- ✓ Nước làm mát chính lấy từ Sông Hậu; kiểu trực lưu dẫn vào nhà máy bằng đường ống thép hoặc nhựa tổng hợp gia cố sợi thủy tinh được chôn ngầm.
- ✓ Nước ngọt: sử dụng nước dịch vụ phục vụ sản xuất lấy từ nhà máy nước Aqua-One.

II. Yêu cầu chương trình bảo hiểm

Để đảm bảo Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 được vận hành an toàn, hiệu quả, hạn chế tối đa tổn thất, rủi ro và đảm bảo quyền lợi cho Chủ sở hữu trong quá trình vận hành, Chủ sở hữu mua và Nhà cung cấp bảo hiểm cung cấp sản phẩm bảo hiểm mọi rủi ro trong quá trình vận hành NMNĐ Sông Hậu 1 giai đoạn 2026 - 2027 (bao gồm mọi rủi ro cho toàn bộ tài sản, hư hỏng máy móc; cháy nổ bắt buộc; cháy nổ bắt buộc (mở rộng mọi rủi ro tài sản) và trách nhiệm đối với bên thứ ba), trong đó:

- Loại hình bảo hiểm là bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (mở rộng mọi rủi ro tài sản) và bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba, bao gồm:

- + Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bảo hiểm toàn diện theo quy tắc bảo hiểm Munich Re) đối với toàn bộ máy móc thiết bị vận hành NMNĐ Sông Hậu 1, một số hạng mục xây dựng chính (Nhà điều khiển, Móng Turbine + máy phát, Móng bơm cấp nước lò hơi, Móng máy nghiền, Móng lò hơi, Móng quạt gió ID, Móng quạt gió FD, Móng bộ khử bụi tĩnh điện...) và nhiên liệu than, dầu DO;

- + Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đối với tài sản nhà cửa, vật kiến trúc (Tường chắn gió kho than, các hạng mục phụ trợ như nhà bảo vệ, nhà để xe, tường rào, hệ thống đường nội bộ...), vật tư thiết bị dự phòng, công cụ dụng cụ;

- + Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản đối với các hạng mục xây dựng các hệ thống thiết bị phụ trợ (Nhà bơm nước làm mát, nhà chứa các thiết bị, móng thiết bị phụ trợ, cửa nhận nước, kênh xả...);

Người được bảo hiểm: Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1-Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc Gia Việt Nam các bên có quyền và lợi ích tương ứng;

- + Bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba.

- Tài sản được bảo hiểm: NMNĐ Sông Hậu 1, tại ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Tp.Cần Thơ, Việt Nam.

- Giá trị bảo hiểm:

- + Giá trị bảo hiểm mọi rủi ro tài sản: **26.185.020.145.329 VNĐ** (trong đó 6.252.288.123.313 VNĐ và 768.120.694 USD quy đổi ra VNĐ với tỷ giá 1 USD = 25.950 VNĐ theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 25/07/2025).

- + Giá trị bảo hiểm cháy nổ bắt buộc: **3.791.993.059.834 VNĐ** (trong đó 3.355.242.882.334 VNĐ và 16.830.450 USD quy đổi ra VNĐ với tỷ giá 1 USD =

25.950 VNĐ theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 25/07/2025).

+ Giá trị bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản: **870.831.777.485 VNĐ.**

+ Giá trị bảo hiểm bên trách nhiệm bên thứ ba: **113.000.000.000 VNĐ.**

- Thời hạn bảo hiểm: 01 năm (12 tháng) đối với từng Tổ máy (tổng số 02 Tổ máy), bắt đầu từ 00 giờ 00 phút ngày 26/03/2026 đến 24 giờ 00 phút ngày 25/03/2027. Tại thời điểm kết thúc thời hạn bảo hiểm tính cho từng Tổ máy, tùy theo nhu cầu và khả năng của hai Bên, Hợp đồng bảo hiểm có thể được gia hạn bằng Phụ lục Hợp đồng. Tỷ lệ phí bảo hiểm cho thời gian gia hạn sẽ được các Bên thỏa thuận và xác định dựa trên cơ sở tình hình thị trường tại thời điểm đó nhưng không cao hơn mức phí của năm đầu tiên.

- Yêu cầu về chương trình bảo hiểm cho gói thầu:

Loại hình bảo hiểm	- Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản; - Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; - Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (mở rộng mọi rủi ro tài sản); - Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba.
Người được bảo hiểm	- Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc Gia Việt Nam - Nhà thầu O&M và Nhà thầu phụ; các công ty con, công ty liên kết và các Công ty, Tổng công ty có liên quan và có mối quan hệ với nhau, các công ty hợp danh hiện tại hoặc sau này có thể được cấu thành; và/hoặc Nhà tài chính, kiến trúc sư, kỹ sư, nhà cung cấp; - Các bên khác theo đúng quyền và lợi ích tương ứng của họ chỉ đối với các hoạt động tại NMĐ Sông Hậu 1.
Tài sản được bảo hiểm	NMĐ Sông Hậu 1, tại ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP. Cần Thơ
Loại hình kinh doanh	Sở hữu, vận hành, bảo dưỡng và phát điện Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1
Thời hạn bảo hiểm	01 năm (12 tháng) đối với từng tổ máy (tổng số 02 tổ máy), bắt đầu từ 00 giờ 00 phút ngày 26/03/2026 đến 24 giờ 00 phút ngày 25/03/2027. Tại thời điểm kết thúc thời hạn bảo hiểm tính cho từng Tổ máy, tùy theo nhu cầu và khả năng của hai Bên, Hợp đồng bảo hiểm có thể được gia hạn bằng Phụ lục Hợp đồng. Tỷ lệ phí bảo hiểm cho thời gian gia hạn sẽ được các Bên thỏa thuận và xác định dựa trên cơ sở tình hình thị trường tại thời điểm đó nhưng không cao hơn mức phí của năm đầu tiên.
Phạm vi	Việt Nam

lãnh thổ	
Phạm vi tài phán	Việt Nam
PHẦN 1. BẢO HIỂM MỌI RỦI RO TÀI SẢN (Bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, rủi ro đổ vỡ máy móc, thiên tai)	
Phạm vi bảo hiểm	Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bảo hiểm toàn diện theo quy tắc bảo hiểm Munich Re) đối với toàn bộ máy móc thiết bị vận hành NMD Sông Hậu 1, một số hạng mục xây dựng chính (<i>Nhà điều khiển, Móng Turbine + máy phát, Móng bơm cấp nước lò hơi, Móng máy nghiền, Móng lò hơi, Móng quạt gió ID, Móng quạt gió FD, Móng bộ khử bụi tĩnh điện...</i>) và nhiên liệu than, dầu DO. Đối với bảo hiểm cháy nổ bắt buộc: tuân thủ quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023.
Quy tắc bảo hiểm	Quy tắc của Bảo hiểm máy móc toàn diện - Phần 1 của Munich Re (CMI).
Số tiền bảo hiểm	Giá trị bảo hiểm mọi rủi ro tài sản: 26.185.020.145.329 VNĐ (trong đó 6.252.288.123.313 VNĐ và 768.120.694 USD quy đổi ra VNĐ với tỷ giá 1 USD = 25.950 VNĐ theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 25/07/2025), bao gồm: + Giá trị Bảo hiểm đối với toàn bộ máy móc thiết bị vận hành (không bao gồm giá trị vật tư thiết bị dự phòng và công cụ dụng cụ): 26.185.020.145.329 VNĐ.
Mức miễn thường (có khấu trừ)	(i) Rủi ro đổ vỡ máy móc: + Tuabin: 1.000.000 USD/vụ tổn thất. + Lò hơi: 500.000 USD/vụ tổn thất. + Máy phát điện: 500.000 USD/vụ tổn thất. + Thiết bị khác: 150.000 USD/vụ tổn thất. (ii) Rủi ro thiên tai: + Tuabin: 500.000 USD/vụ tổn thất. + Lò hơi: 500.000 USD/vụ tổn thất. + Máy phát điện: 500.000 USD/vụ tổn thất. + Thiết bị khác/hạng mục khác: 150.000 USD/vụ tổn thất. (iii) Dầu DO và than: 150.000 USD/vụ tổn thất. (iv) Rủi ro khác: 10% giá trị tổn thất nhưng không thấp hơn 25.000 USD/vụ tổn thất. Đối với mỗi sự kiện bảo hiểm xảy ra, áp dụng mức miễn thường (có khấu trừ) cao nhất trong trường hợp có nhiều mức miễn thường và các mức miễn thường thấp hơn (có khấu trừ) sẽ không được áp dụng.



Các điều khoản	1. Tự động khôi phục số tiền bảo hiểm (Không vượt quá 5.000.000 USD). 2. Điều khoản 72 giờ (SFL 1992). 3. Điều khoản hủy Đơn bảo hiểm (60 ngày). 4. Danh sách các công ty giám định tổn thất 5. Loại trừ rủi ro chính trị. 6. Điều khoản về tạm ứng bồi thường (70% số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm). 7. Điều khoản về từ bỏ thế quyền 8. Tự động gia hạn - 30 ngày (áp dụng tỉ lệ phí bảo hiểm ngày) 9. Điều khoản về loại trừ ô nhiễm và rò rỉ NMA 1685. 10. Điều khoản loại trừ vũ khí điện từ, hóa học, sinh học, sinh hóa và ô nhiễm phóng xạ (CL370). 11. Điều khoản về biến đổi/hư hỏng dữ liệu. 12. Các yêu cầu của các cơ quan công quyền. 13. Điều khoản làm rõ rủi ro công nghệ thông tin NMA2912. 14. Điều khoản di dời mảnh vỡ (5% số tiền tổn thất điều chỉnh/toàn bộ thời hạn bảo hiểm nhưng không vượt quá 5.000.000 USD). 15. Điều khoản di chuyển tạm thời (10% số tiền tổn thất điều chỉnh và toàn bộ thời hạn bảo hiểm nhưng không vượt quá 500.000 USD). 16. Chi phí chữa cháy (giới hạn trách nhiệm 5.000.000 USD cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 17. Chi phí chuyên gia (giới hạn trách nhiệm 5%/ Số tiền tổn thất cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm nhưng không vượt quá 5.000.000 USD). 18. Chi phí làm thêm giờ/chi phí xúc tiến (giới hạn trách nhiệm 5.000.000 USD cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 19. Các đường dây truyền tải và phân phối thuộc sở hữu hoặc do Người được bảo hiểm chịu trách nhiệm nhưng không vượt quá độ dài đã được định trước (1000 feet) từ cơ sở được bảo hiểm. 20. Không bao gồm các thiệt hại vật chất được phục hồi theo chế độ bảo hành của nhà sản xuất. 21. Điều khoản công việc nhỏ (với giá trị ước tính của hợp đồng không vượt quá USD 5.000.000 USD tại thời điểm đầu của hợp đồng/mỗi tổn thất và toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 22. Điều khoản về bổ sung giá trị tài sản (hạn mức trách nhiệm: 10% giá trị tổn thất điều chỉnh/ mỗi tổn thất và toàn bộ thời hạn bảo hiểm) 23. Điều khoản về đề phòng và hạn chế tổn thất (giới hạn trách nhiệm 5.000.000 USD cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
------------------------------	--

24. Chi phí giảm thiểu tổn thất/các biện pháp phòng ngừa (giới hạn trách nhiệm 5.000.000 USD cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
25. Điều khoản bảo hiểm vận chuyển (Hạn mức trách nhiệm 2.000.000 USD và mức khấu trừ 10.000 USD/vụ)
26. Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố - NMA 2921.
27. Điều khoản loại trừ chiến tranh và nội chiến – NMA 464 .
28. Điều khoản loại trừ tin tặc - NMA 5401.
29. Điều khoản về tổn thất hàng loạt - MR 1360.
30. Điều khoản bảo hiểm dưới giá trị (85%).
31. Chất làm lạnh và dầu bôi trơn - MR 1362.
32. Điều khoản quản lý máy móc điện (e.g. động cơ, máy phát điện, máy biến thế) – MR 1365.
33. Sửa chữa động cơ đột trong (ví dụ: diesel) - MR 1366.
34. Điều khoản về chi phí dọn dẹp hệ thống thoát nước (Giới hạn: trách nhiệm 500.000 USD đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
35. Bổ sung tên người được bảo hiểm, quyền lợi người thụ hưởng đối với tổn thất
36. Điều khoản về kết nối và chạy thử tài sản và nhà máy LMA5197A
37. Điều khoản loại trừ chất amiăng.
38. Loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân 1994 - NMA 1975(a) (1994) and SR482.
39. Điều khoản bạo loạn, đình công và bạo động dân sự (giới hạn trách nhiệm 5.000.000 USD cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
40. Điều khoản trừng phạt thương mại quốc tế - LMA 3100
41. Điều khoản làm rõ thiệt hại.
42. Điều khoản loại trừ các khoản tiền bồi thường theo phán quyết của tòa mang tính trừng phạt (LGT 399) (1994)
43. Điều khoản khiếu nại gian lận - LMA 5062.
44. Điều khoản loại trừ rủi ro ô nhiễm và nhiễm bẩn.
45. Điều khoản phối hợp giải quyết bồi thường/Điều khoản giao thức yêu cầu bồi thường
46. Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm (LMA 5393).
47. Điều khoản chi phí chuẩn bị hồ sơ khiếu nại (Giới hạn: 200.000 USD/ mỗi vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm)
48. Điều khoản chi phí đội chữa cháy (Giới hạn: 500.000 USD/mỗi vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm)
49. Điều khoản về chi phí tổ tụng và hạn chế tổn thất (Giới hạn: 500.000 USD/ mỗi vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm)

	50. Điều khoản sửa chữa tạm thời (Giới hạn: 1.000.000 USD/ mỗi vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm) 51. Điều khoản thưởng không khiếu nại (3%) (Thanh toán tại thời điểm kết thúc hiệu lực bảo hiểm với điều kiện tái tục hợp đồng bảo hiểm mới với công ty bảo hiểm và nhà tái bảo hiểm hiện hữu) 52. Điều khoản chi phí hội thảo, đào tạo cho cán bộ của người được Bảo hiểm
PHẦN 2. BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC	
Phạm vi bảo hiểm	Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 đối với tài sản nhà cửa, vật kiến trúc (<i>Tường chắn gió kho than, các hạng mục phụ trợ như nhà bảo vệ, nhà để xe, tường rào, hệ thống đường nội bộ...</i>), vật tư thiết bị dự phòng, công cụ dụng cụ.
Quy tắc bảo hiểm	Quy tắc bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023
Số tiền bảo hiểm	Giá trị bảo hiểm cháy nổ bắt buộc: 3.791.993.059.834 VNĐ (trong đó 3.355.242.882.334 VNĐ và 16.830.450 USD quy đổi ra VNĐ với tỷ giá 1 USD = 25.950 VNĐ theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 25/07/2025), bao gồm: + Giá trị vật tư thiết bị dự phòng EPC: 276.016.188.904 VNĐ; + Giá trị công cụ dụng cụ EPC: 45.057.088.800 VNĐ; + Giá trị vật tư, thiết bị công cụ dụng cụ ngoài EPC: 50.194.577.433 VNĐ; + Giá trị với tài sản nhà cửa, vật kiến trúc (<i>Tường chắn gió kho than, các hạng mục phụ trợ như nhà bảo vệ, nhà để xe, tường rào, hệ thống đường nội bộ...</i>), vật tư thiết bị dự phòng, công cụ dụng cụ: 2.931.367.627.196 VNĐ. + Giá trị nhiên liệu than (tạm tính): 451.499.977.500 VNĐ. + Giá trị nhiên liệu dầu DO (tạm tính): 37.857.600.000 VNĐ.
Mức miễn thưởng (có khấu trừ):	5% số tiền tổn thất nhưng không thấp hơn 100.000.000 VNĐ/mỗi tổn thất.
Điều khoản mở rộng	1) Tự động khôi phục số tiền bảo hiểm (Giới hạn trách nhiệm: USD 5.000.000). 2) Điều khoản 72 giờ. 3) Điều khoản Huỷ đơn bảo hiểm (60 ngày). 4) Danh sách các công ty giám định tổn thất: 5) Điều khoản thanh toán bồi thường tạm ứng (70% số tiền tổn thất đã được điều chỉnh và được chấp nhận bồi thường). 6) Điều khoản từ bỏ thế quyền, loại trừ Nhà sản xuất thiết bị gốc. 7) Điều khoản về hư hỏng/sai lệch dữ liệu.



- 8) Các yêu cầu của các cơ quan công quyền.
- 9) Điều khoản di dời mảnh vỡ (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 10) Điều khoản di chuyển tạm thời (giới hạn trách nhiệm 10%/Số tiền bảo hiểm đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 11) Chi phí chữa cháy (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 12) Chi phí chuyên gia (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 13) Chi phí làm thêm giờ/chi phí xúc tiến (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 14) Điều khoản về bổ sung giá trị tài sản (hạn mức trách nhiệm: 10% giá trị tổn thất điều chỉnh/ mỗi tổn thất và toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 15) Các chi phí giảm thiểu tổn thất/các biện pháp phòng ngừa (giới hạn phụ là 3.000.000.000 VNĐ /vụ và toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 16) Điều khoản chi phí ngăn ngừa và hạn chế tổn thất (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
- 17) Điều khoản loại trừ rủi ro tin tặc – LMA 5401.
- 18) Điều khoản tổn thất hàng loạt – MR 1360.
- 19) Điều khoản về bảo hiểm dưới giá trị (75%)
- 20) Dầu làm mát máy và dầu bôi trơn – MR 1362.
- 21) Điều khoản về chi phí dọn dẹp hệ thống thoát nước (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất)
- 22) Bổ sung tên người được bảo hiểm, quyền lợi người thụ hưởng đối với tổn thất.
- 23) Điều khoản tự bốc cháy (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời gian bảo hiểm)
- 24) Điều khoản đình công, gây rối và bạo loạn dân sự
- 25) Điều khoản về rò rỉ và chảy tràn bất ngờ (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
- 26) Điều khoản về tổn thất do nóng chảy (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
- 27) Điều khoản về ổ và chìa khóa (giới hạn trách nhiệm 2.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
- 28) Điều khoản về đường ống không bao gồm khí bên trong đường ống (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn

	thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm) 29) Điều khoản về tiền tệ 30) Điều khoản về tự động bảo hiểm cho tài sản thêm (thông báo trong vòng 90 ngày) (Giới hạn trách nhiệm: 10% số tiền bảo hiểm (STBH)/vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 31) Điều khoản di chuyển tài sản nội bộ (Giới hạn trách nhiệm: 3.000.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm) 32) Điều khoản về lún sụt và sạt lở 33) Loại trừ rủi ro chính trị. 34) Điều khoản loại trừ rò rỉ và ô nhiễm – NMA 1685. 35) Điều khoản loại trừ nhiễm bắn phóng xạ, các vũ khí hoá học, sinh học, vũ khí sinh hoá và vũ khí điện từ (CL370). 36) Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố - NMA 2921. 37) Điều khoản loại trừ rủi ro chiến tranh và nội chiến – NMA 464. ~~38) Điều khoản loại trừ rủi ro máy tính~~ 39) Điều khoản loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân 1994 – NMA 1975 (a)(1994) và SR 482 40) Điều khoản loại trừ tổn thất thiệt hại vật chất có thể phục hồi theo bảo hành của nhà sản xuất 41) Điều khoản Loại trừ Amiăng tổng hợp 42) Điều khoản Cấm vận Thương mại quốc tế LMA3100 43) Điều khoản Loại trừ Bệnh truyền nhiễm - LMA5394 44) Điều khoản thường không có khiếu nại tổn thất (5%) 45) Điều khoản tự động gia hạn 30 ngày (tuân theo phí bảo hiểm bổ sung và thông báo xác nhận gia hạn trước 30 ngày)
PHẦN 3. BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC (MỞ RỘNG MỌI RỦI RO TÀI SẢN)	
Phạm vi bảo hiểm	Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản đối với các hạng mục xây dựng các hệ thống thiết bị phụ trợ (<i>Nhà bơm nước làm mát, nhà chứa các thiết bị, móng thiết bị phụ trợ, cửa nhận nước, kênh xả...</i>).
Quy tắc bảo hiểm	Quy tắc bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản do Nhà bảo hiểm ban hành được Bộ Tài chính chấp thuận.
Số tiền bảo hiểm	870.831.777.485 VNĐ.
Mức miễn thường (có khấu trừ)	5% số tiền tổn thất nhưng không thấp hơn 100.000.000 VNĐ/ mỗi tổn thất

Điều khoản mở rộng	1. Tự động khôi phục số tiền bảo hiểm (giới hạn trách nhiệm:USD 5.000.000) 2. Điều khoản 72 giờ. 3. Điều khoản Huỷ đơn bảo hiểm (60 ngày). 4. Danh sách các công ty giám định tổn thất: 5. Điều khoản thanh toán bồi thường tạm ứng (70% số tiền tổn thất đã được điều chỉnh và được chấp nhận bồi thường). 6. Điều khoản từ bỏ thế quyền, loại trừ Nhà sản xuất thiết bị gốc. 7. Điều khoản về hư hỏng/sai lệch dữ liệu. 8. Các yêu cầu của các cơ quan công quyền. 9. Điều khoản di dời mảnh vỡ (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 10. Điều khoản di chuyển tạm thời (giới hạn trách nhiệm 10%/Số tiền bảo hiểm đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 11. Chi phí chữa cháy (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 12. Chi phí chuyên gia (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ cho mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 13. Chi phí làm thêm giờ/chi phí xúc tiến (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 14. Điều khoản về bổ sung giá trị tài sản (hạn mức trách nhiệm: 10% giá trị tổn thất điều chỉnh/ mỗi tổn thất và toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 15. Các chi phí giảm thiểu tổn thất/các biện pháp phòng ngừa (giới hạn phụ là 3.000.000.000 VNĐ /vụ và toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 16. Điều khoản chi phí ngăn ngừa và hạn chế tổn thất (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm). 17. Điều khoản loại trừ rủi ro tin tặc – LMA 5401. 18. Điều khoản tổn thất hàng loạt – MR 1360. 19. Điều khoản về bảo hiểm dưới giá trị (75%) 20. Dầu làm mát máy và dầu bôi trơn – MR 1362. 21. Điều khoản về chi phí dọn dẹp hệ thống thoát nước (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất) 22. Bổ sung tên người được bảo hiểm, quyền lợi người thụ hưởng đối với tổn thất. 23. Điều khoản tự bốc cháy (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời gian bảo hiểm) 24. Điều khoản đình công, gây rối và bạo loạn dân sự
---------------------------	---

25. Điều khoản về rò rỉ và chảy tràn bất ngờ (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
26. Điều khoản về tổn thất do nóng chảy (giới hạn trách nhiệm 3.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
27. Điều khoản về ổ và chìa khóa (giới hạn trách nhiệm 2.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
28. Điều khoản về đường ống không bao gồm khí bên trong đường ống (giới hạn trách nhiệm 5.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
29. Điều khoản về tiền tệ
30. Điều khoản về tự động bảo hiểm cho tài sản thêm (thông báo trong vòng 90 ngày) (Giới hạn trách nhiệm: 10% số tiền bảo hiểm (STBH)/vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm).
31. Điều khoản di chuyển tài sản nội bộ (Giới hạn trách nhiệm: 3.000.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
32. Điều khoản về lún sụt và sạt lở
33. Loại trừ rủi ro chính trị.
34. Điều khoản loại trừ rò rỉ và ô nhiễm – NMA 1685.
35. Điều khoản loại trừ nhiễm bắn phóng xạ, các vũ khí hoá học, sinh học, vũ khí sinh hoá và vũ khí điện từ (CL370).
36. Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố - NMA 2921.
37. Điều khoản loại trừ rủi ro chiến tranh và nội chiến – NMA 464.
- ~~38. Điều khoản loại trừ rủi ro máy tính~~
39. Điều khoản loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân 1994 – NMA 1975 (a)(1994) và SR 482
40. Điều khoản loại trừ tổn thất thiệt hại vật chất có thể phục hồi theo bảo hành của nhà sản xuất
41. Điều khoản Loại trừ Amiăng tổng hợp
42. Điều khoản Cấm vận Thương mại quốc tế LMA3100
43. Điều khoản Loại trừ Bệnh truyền nhiễm - LMA5393
44. Điều khoản thưởng không có khiếu nại tổn thất (5%)
45. Điều khoản tự động gia hạn 30 ngày (tuân theo phí bảo hiểm bổ sung và thông báo xác nhận gia hạn trước 30 ngày)
46. Điều khoản Đồ vỡ máy móc (Giới hạn trách nhiệm: 20.000.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)

PHẦN 4. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM BÊN THỨ BA

Phạm vi bảo hiểm	Nhà bảo hiểm sẽ chi trả cho Người được bảo hiểm: - Tất cả các khoản chi phí mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường đối với: - thương tật thân thể hoặc ốm đau bất ngờ của bất kỳ người nào - mất mát hoặc thiệt hại bất ngờ về tài sản phát sinh từ các hoạt động của Người được bảo hiểm trong thời hạn bảo hiểm và trong phạm vi giới hạn lãnh thổ nêu rõ trong đơn bảo hiểm và xảy ra theo đúng sự miêu tả trong đơn bảo hiểm - Tất cả các chi phí và phát sinh trong việc kiện tụng: - do nguyên đơn khiếu nại bên được bảo hiểm - với sự đồng ý bằng văn bản của nhà bảo hiểm về các khiếu nại phát sinh với Bên A cho các khoản bồi thường được quy định trong đơn bảo hiểm.
Hạn mức trách nhiệm	113.000.000.000 VNĐ đối với mỗi vụ tổn thất và không giới hạn số vụ.
Mức khấu trừ bảo hiểm	20.000 USD/vụ tổn thất, chỉ áp dụng đối với thiệt hại về tài sản của bên thứ ba
Quy tắc bảo hiểm	Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba của QBE (TPL)
Điều khoản mở rộng	- Các phương tiện sơ cứu (giới hạn trách nhiệm 10.000 USD/người và 250.000 USD trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm) - Điều khoản huỷ bỏ (60 ngày). - Điều khoản bốc và dỡ hàng. - Trách nhiệm bãi đỗ xe (giới hạn trách nhiệm 1.000.000 USD/vụ và trong toàn bộ thời hạn bảo hiểm) - Điều khoản đèn quảng cáo/ biển quảng cáo. - Trách nhiệm ô nhiễm bất ngờ và ngẫu nhiên - Tự động gia hạn - 30 ngày (áp dụng tỉ lệ phí bảo hiểm ngày). - Từ bỏ thế quyền - Điều khoản trách nhiệm chéo - Điều khoản hợp tác giải quyết khiếu nại - Điều khoản về trách nhiệm bất ngờ đối với các nhà thầu và nhà thầu phụ - Tổn thất hậu quả hoặc mất khả năng sử dụng. - Tài sản thuộc quyền coi sóc, trông nom và kiểm soát của Người được bảo hiểm. - Trừng phạt, cấm vận và các giao dịch bị cấm - Loại trừ Amiăng

	16. Loại trừ silic đioxyt 17. Loại trừ rủi ro khủng bố. 18. Trách nhiệm sản phẩm/vận hành hoàn thành 19. Thất bại trong việc cung cấp. 20. Tổn thất tài chính. 21. Loại trừ rủi ro tin tặc - LMA 5401. 22. Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm (LMA 5394). 23. Danh sách các công ty giám định tổn thất
--	--

58
ANH
DÀI
NG
QU
NAM
Ồ

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC 2 :
BIỂU MẪU CHÀO GIÁ BẢO HIỂM RỦI RO NMD SÔNG HẬU 1 NĂM 2026-2027
(Đính kèm Công văn số 1291/NMĐSHI-KTATMT ngày 22/7/2025)

STT	Loại hình bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm			Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)	Tổng phí bảo hiểm	Chi chú
		USD	VND	Tổng Giá trị quy ra VND			
	(1)	(2)	(3)	(4) = (3) + (2) * tỷ giá	(5)	(6) = (4)*(5)	(7)
A	PHÍ BẢO HIỂM NHÀ MÁY			30.960.844.982.647			
I	PHẦN I: BẢO HIỂM MỌI RỦI RO TÀI SẢN (Bảo gồm cả vỡ máy móc, rủi ro thiên tai và cháy, nổ bất buộc).	768.120.694	6.252.288.123.313	26.185.020.145.329			
1	Giá trị bảo hiểm nhà máy (không bao gồm giá trị vật tư thiết bị dự phòng, công cụ dụng cụ)	768.120.694	6.252.288.123.313	26.185.020.145.329			
II	PHẦN II: BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC	16.830.450	3.355.242.882.334	3.791.993.059.834			
1	Giá trị vật tư thiết bị dự phòng của Hợp đồng EPC (tạm tính)		276.016.188.904	276.016.188.904			
2	Giá trị công cụ dụng cụ của Hợp đồng EPC (tạm tính)		45.057.088.800	45.057.088.800			
3	Giá trị tài sản khác		2.931.367.627.196	2.931.367.627.196			
4	Giá trị vật tư thiết bị và công cụ dụng cụ ngoài EPC (tạm tính)		50.194.577.433	50.194.577.433			
5	Giá trị nhiên liệu dầu DO, than	16.830.450	52.607.400.000	489.357.577.500			
5.1	Giá trị dầu DO (tạm tính)		37.857.600.000	37.857.600.000			
5.2	Giá trị than (tạm tính)	16.830.450	14.749.800.000	451.499.977.500			
III	PHẦN III: BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC (MỞ RỘNG MỌI RỦI RO TÀI SẢN)	-	870.831.777.485	870.831.777.485			
1	Giá trị các hạng mục xây dựng chính và thiết bị chính		870.831.777.485	870.831.777.485			
IV	PHẦN IV: BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM BÊN THỨ BA		113.000.000.000	113.000.000.000			
V	PHÍ BẢO HIỂM TÍNH CHO 01 NĂM (CHƯA BAO GỒM THUẾ GTGT)						
VI	Thuế GTGT (10%)						
VII	TỔNG PHÍ BẢO HIỂM (BAO GỒM THUẾ GTGT)						

Ghi chú:
- Áp dụng tỷ giá quy đổi như Hợp đồng hiện hữu (01 USD = 25.950 VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng Vietcombank công bố ngày 25/07/2025)



[Handwritten signature]